

# DÒNG TIỀN HƯỚNG ĐẾN NHÓM CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

**MUA**

Nhà đầu tư tiếp tục xem xét mở vị thế mua trading ngắn hạn khi VN-Index giảm về vùng hỗ trợ quanh 1.250-1.260 điểm. Tập trung ở các ngành có triển vọng lợi nhuận quý 4 tích cực.

**BÁN**

Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275-1.288 điểm.

# SSI

**MUA**

**↑ 10,01%**

**VND28.600**

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Năm (19/12) trong trạng thái không đồng nhất của các chỉ số, với Dow Jones tăng nhẹ.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index chốt phiên giao dịch trong sắc đỏ khi tâm lý NĐT bị ảnh hưởng bởi diễn biến thị trường chứng khoán thế giới lao dốc, tỷ giá tăng. Khối ngoại cũng đẩy mạnh bán ròng trong phiên giảm điểm. Tuy nhiên, dòng tiền bắt đáy vẫn được duy trì ở các vùng giá thấp, tập trung tại một số nhóm cổ phiếu Midcap, đã giúp chỉ số thu hẹp đà giảm về cuối phiên. Diễn biến này mặc dù chưa đủ để xác nhận cơ hội đảo chiều nhưng vẫn tạm thời bảo toàn cho xu hướng tăng, đặc biệt là khi VN-Index đang thử thách vùng hỗ trợ gần 1.250 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.342,24	0,04	12,34
S&P 500	5.867,08	-0,09	23,00
Nasdaq	19.372,77	-0,10	29,05
VIX	24,09	-12,78	93,49
DAX	19.969,86	-1,35	19,21
FTSE 100	8.105,32	-1,14	4,81
CAC40	7.294,37	-1,22	-3,30
Hang Seng	19.775,38	0,12	16,00

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	48,98	NEUTRAL
MACD (12,26)	4,19	BUY
ADX (14)	14,65	SELL
SMA5	1.261,75	SELL
SMA20	1.255,47	SELL
SMA50	1.255,30	SELL
SMA100	1.258,37	BUY
SMA200	1.259,35	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Sau Fed, hai ngân hàng trung ương lớn khác là Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) và Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) đều giữ nguyên lãi suất trong ngày 19/12. Đây được xem là một dấu hiệu cho thấy tâm lý thận trọng của các nhà hoạch định chính sách tiền tệ trước năm 2025 với nhiều bất định từ chính sách của chính quyền Trump 2.0.
- Đồng USD tiếp tục tăng giá mạnh trong phiên ngày thứ Năm, lập đỉnh mới của 2 năm, gây áp lực giảm lên giá dầu. Giá dầu thô cũng đi xuống do khả năng các ngân hàng trung ương trên toàn cầu sẽ phải giảm lãi suất chậm lại trong năm 2025.
- Trong phiên 18/12 và 19/12, tỷ giá liên ngân hàng đã tăng vượt giá bán can thiệp của Ngân hàng Nhà nước và chốt phiên ở mức 25.453 VND/USD, đưa tổng mức tăng từ đầu năm lên gần 5%. Trong bối cảnh trên, theo các nguồn tin từ thị trường liên ngân hàng, một số nhà băng đã bắt đầu mua USD từ Nhà điều hành vào phiên 18/12 với khối lượng tương đối lớn.
- Ngày 18/12, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành quyết định về mức lãi suất của các ngân hàng thương mại (NHTM) áp dụng trong năm 2025 đối với dư nợ của những khoản cho vay hỗ trợ nhà ở.
- TCM:** Báo cáo sơ bộ của công ty mẹ TCM cho thấy doanh thu lũy kế 11 tháng khoảng 3.481 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ và đạt 94% kế hoạch năm. Lãi sau thuế ước đạt 263,2 tỷ đồng, tăng 49% và vượt 63% mục tiêu lợi nhuận năm. Riêng tháng 11, doanh thu công ty mẹ đạt 325 tỷ đồng và lãi sau thuế 20,9 tỷ đồng, tăng 18% và 151% so với cùng kỳ 2023.
- VHM:** Theo thông tin từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty cổ phần Vinhomes ngày 17/12 đã huy động thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ kỳ hạn 36 tháng. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, lãi suất 12% một năm, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản.
- STB:** Sacombank tiếp tục thông báo đấu giá các khoản nợ của CTCP Thủy Hải Sản Sài Gòn với mức giá khởi điểm hơn 449,7 tỷ đồng. So với mức giá rao bán hồi tháng 8/2024 (846,1 tỷ đồng), ngân hàng đã hạ hơn 396 tỷ đồng.
- HVN:** Năm nay, Tổng công ty Hàng không Việt Nam có doanh thu đạt 113.577 tỷ đồng, LNTT ước thực hiện 6.264 tỷ đồng, vượt lần lượt 7% và 38,5% kế hoạch năm. Vietnam Airlines đã chính thức chấm dứt chuỗi 4 năm liên tiếp lỗ.
- PVS:** Lãnh đạo Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam cho biết năm 2024, PVS ghi nhận doanh thu ước đạt 24.000 tỷ đồng và LNTT 1.100 tỷ đồng; tăng 24% về doanh thu song giảm 14% về lợi nhuận so với cùng kỳ. Doanh nghiệp đã vượt 55% chỉ tiêu doanh thu và 28% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.602,43	0,32	26,15
Dầu WTI	69,12	-0,37	-3,53
Dầu Brent	72,59	-0,40	-5,78
Than	127,10	-0,90	-13,18
Đồng	8.883,00	-1,61	3,79
Quặng sắt	103,02	-0,94	-25,30
Thép	477,50	0,32	-15,43

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,401	-0,01	6,98
USD/JPY	157,39	0,03	-10,39
USD/CNY	7,2964	-0,01	-2,69
EUR/USD	1,0364	0,01	-6,11
GBP/USD	1,249	-0,10	-1,89

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
FPT	711,17	148.100	-0,40
HPG	817,09	26.850	-1,83
SSI	791,62	26.200	0,00
MWG	423,51	59.800	-0,66
HDB	236,12	23.500	-1,26

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	516.432,03	92.400	-0,75
BID	264.785,25	46.450	-0,85
FPT	217.865,35	148.100	-0,40
CTG	194.393,70	36.200	-0,14
HPG	171.739,32	26.850	-1,83

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# SSI

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng giải ngân**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**MUA**
**26.200**
**28.600**
**10,01%**
**25.500–26.000**
**<24.800**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng đầu năm, Công ty chứng khoán SSI đạt 6.452 tỷ đồng tổng doanh thu và 2.981 tỷ đồng LNTT, hoàn thành lần lượt 80% và 88% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông 2024 thông qua.
- Về cơ cấu, mảng Dịch vụ chứng khoán ghi nhận doanh thu gần 905 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng trong tổng doanh thu với 45%. Dự nợ cho vay margin của SSI đạt hơn 19.000 tỷ đồng, tăng 29,8% so với thời điểm cuối năm 2023 nhờ vào những biến động tích cực của thị trường.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- SSI đang tạo vùng dao động tích lũy đi ngang trên đường MA50 ngày. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu SSI, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 25.500–26.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
<b>DTT (tỷ đ)</b>	6.336	7.158	2.028
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	2.110	2.849	987
<b>LNST (tỷ đ)</b>	1.698	2.294	794
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	125	186	163
<b>ROE (%)</b>	9,06	10,11	12,56
<b>ROA (%)</b>	3,30	3,78	4,81
<b>EPS (VNĐ)</b>	890,65	1.231,88	1563,48
<b>P/E (lần)</b>	15,99	21,42	16,76
<b>P/B (lần)</b>	1,18	2,13	2,05

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>58,73</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD (12,26)</b>	<b>0,22</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX (14)</b>	<b>28,65</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA5</b>	<b>26.060</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>25.320</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>25.820</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>25.850</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>26.840</b>	<b>SELL</b>

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			0,15%
2	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,06%
3	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			2,69%
4	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			1,32%
5	PVD	Nắm giữ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			3,86%
6	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			-1,05%
7	SSI	Mua	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8			1,55%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
8	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
9	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
10	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
11	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
12	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
13	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
14	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
15	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	8,57%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.



### TƯ VẤN ĐẦU TƯ

#### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-(-15%-18%)
Chốt lời 2(50%)	21-22	-(-18-37%)

  

Mã CP	MESN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Cú sốc DCA về 41-62)	
Cắt lỗ	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-(-12%-14%)
Chốt lời 2(50%)	Nằm giữ	

  

Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-(-7%-12%)
Chốt lời 2(50%)	25.5-26	-(-13%-14%)

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.



### CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi kiến)	+479,500,200 đ (4.15%)

#### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5,830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.



### THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập [ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)